

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Yên Hùng,
huyện Yên Định đến năm 2030.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 01/7/2014; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 37/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Các Thông tư của Bộ Xây dựng số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Số 01/2017/TT-BXD ngày 06/02/2017 về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng; Số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045

Căn cứ Quyết định số 3837/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Yên Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Yên Hùng, huyện Yên Định đến năm 2030.

Căn cứ Công văn số 3107/SGTVT-KHTC ngày 16/6/2022 của Sở Giao

thông vận tải Thanh Hóa về việc tham gia ý kiến về các đồ án Quy hoạch chung xây dựng các xã: Định Tăng, Yên Hùng, Yên Lạc, Yên Ninh, Yên Thịnh, huyện Yên Định đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 2275/SNN&PTNT-KHTC ngày 13/6/2022 của Sở NN và PTNT Thanh Hóa về việc tham gia ý kiến nội dung đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Định Tăng, Yên Hùng, Yên Lạc, Yên Ninh, Yên Thịnh, huyện Yên Định đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 5929/SXD-QH ngày 15/8/2022 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc ý kiến về hồ sơ đồ án Quy hoạch chung xây dựng các xã: Định Tăng, Yên Hùng, Yên Lạc, Yên Ninh, Yên Thịnh, huyện Yên Định đến năm 2030;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 468/TĐ-KTHT ngày 14/9/2022 về việc báo cáo kết quả thẩm định đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Yên Hùng, huyện Yên Định đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Yên Hùng, huyện Yên Định đến năm 2030 với nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Vị trí, phạm vi, ranh giới: Vị trí khu vực nghiên cứu gồm toàn bộ diện tích xã Yên Hùng, thuộc địa giới hành chính huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Cách thị trấn Quán Lào khoảng 10 km về phía Đông Nam. Ranh giới tiếp giáp của xã được xác định cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: xã Yên Trường và xã Yên Phong;
- Phía Nam giáp: xã Yên Thịnh;
- Phía Đông giáp: xã Yên Ninh và xã Yên Lạc;
- Phía Tây giáp: xã Yên Phú.

2. Quy mô lập quy hoạch

- Quy mô diện tích: Toàn bộ diện tích tự nhiên có quy mô 621,9 ha.
- Quy mô dân số hiện trạng: 5.438 người..

1.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch: Quy mô diện tích lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Yên Hùng có tổng diện tích là 621,9 ha.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

2.1. Mục tiêu quy hoạch: Cụ thể hóa được các mục tiêu yêu cầu tại nhiệm vụ lập quy hoạch, được Sở Xây dựng thống nhất tại Công văn số 9211/SXD-QH ngày 9/12/2021 và Quyết định số 3837/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Yên Định.

- Căn cứ bối cảnh phát triển kinh tế, xã hội của huyện, tỉnh từ đó xác định vai trò, vị thế của địa phương trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội. Xác định tính chất, chức năng, các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, định hình quy mô và định hướng phát triển của địa phương phù hợp theo định hướng của vùng, tỉnh theo các giai đoạn 2020 - 2025 và 2026 - 2030.

- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã, làm cơ sở để hướng dẫn quản lý trong việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư và

hoạch định các chính sách phát triển, quản lý và phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển nông nghiệp, công nghiệp xây dựng, dịch vụ thương mại... và hệ thống các công trình chuyên ngành.

- Gắn kết chặt chẽ chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Phát triển hạ tầng giao thông phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/8/2021; quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3227/QĐUBND ngày 29/8/2017.

- Phấn đấu về đích NTM nâng cao vào năm 2025 và phấn đấu đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2027

2.2. Tính chất, chức năng của xã:

- Là khu vực phát triển nhanh, bền vững theo hướng đa ngành, lấy nông nghiệp sản xuất theo hướng hàng hóa, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp tập trung, chất lượng cao là định hướng phát triển ưu tiên.

- Là khu vực phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, giáo dục, y tế,...

- Là địa bàn cung cấp nguồn lao động cho các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện.

3. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

3.1. Quy mô dân số, lao động

3.1.1. Quy mô dân số

- Dân số hiện trạng: 5.438 người

- Dự báo đến năm 2025: 5.850 người.

- Dự báo đến năm 2030: 6.160 người.

3.1.2. Quy mô lao động:

- Đến năm 2025: Dự báo số người trong tuổi lao động chiếm 80% dân số toàn xã (khoảng 4.312 người), trong đó lao động trong ngành nông nghiệp khoảng 776 người, chiếm khoảng 18%, lao động trong các ngành nghề khác khoảng 3.536 người, chiếm khoảng 82%, trong đó lao động qua đào tạo khoảng 3.665 người, đạt 85%.

- Đến năm 2030: Dự báo số người trong tuổi lao động chiếm 80% dân số toàn xã (khoảng 4.928 người), trong đó lao động trong ngành nông nghiệp khoảng 740 người, chiếm khoảng 15%, lao động trong các ngành nghề khác khoảng 4188 người, chiếm khoảng 85%, trong đó lao động qua đào tạo khoảng 4.435 người, đạt 90%.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

3.2.1. Về sử dụng đất

- Điểm dân cư nông thôn:

- + Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$;
- + Đất xây dựng công trình, dịch vụ: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;
- + Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;
- + Cây xanh công cộng: $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$;
- Trụ sở cơ quan xã: $\geq 1.000\text{m}^2$;
- Đất xây dựng trường mầm non, quy mô 50 chỗ/1000 dân: $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Đất xây dựng trường tiểu học, quy mô 65 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Đất xây dựng trường trung học, quy mô 55 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Trạm y tế xã không có vườn thuốc: $\geq 500\text{m}^2/\text{trạm}$, (*Có vườn cây thuốc Nam*): $\geq 1000\text{m}^2/\text{trạm}$);
- Đất xây dựng nhà văn hóa xã: $\geq 1.000\text{m}^2$;
- Đất xây dựng sân thể thao xã: $\geq 1.200\text{m}^2$;
- Đất xây dựng sân thể thao thôn: $\geq 300\text{m}^2$;
- Đất xây dựng điểm phục vụ bưu chính viễn thông: $\geq 150\text{m}^2$.
- Đất xây dựng chợ: $\geq 1.500\text{m}^2/\text{chợ/xã}$.

3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

- Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường $\geq 0,8$ kg;
- Chỉ tiêu cấp nước: ≥ 80 lít/người/ngày;
- Chỉ tiêu thoát nước bản ≥ 80 % lượng nước cấp;
- Chỉ tiêu cấp điện $\geq 150\text{W}/\text{người}/\text{ngày}$ đêm;

3.2.3. Các nội dung khác

Theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT - BXD ngày 19/5/2021 về Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và QCVN 4454:2012 về quy hoạch nông thôn - tiêu chuẩn thiết kế.

4. Phân khu chức năng, định hướng tổ chức không gian xã

4.1. Định hướng tổ chức khu trung tâm xã: Khu vực trung tâm xã là khu vực UBND xã hiện nay, được xác định trong giới hạn tương đối, rộng khoảng 50ha. Trong khu vực này bố trí các chức năng hiện có của xã gồm:

- Trụ sở làm việc của HĐND - UBND xã, Đảng uỷ (CQ-01): Giữ nguyên vị trí như hiện nay. Quy mô diện tích sau khi chỉnh trang là 0,61ha. Yêu cầu về kiến trúc khi cải tạo, chỉnh trang: Phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình cấp xã; chiều cao từ 1-3 tầng; Tổng diện tích xây dựng $\leq 400\text{m}^2$ (tương đương mật độ xây dựng $\leq 10\%$).

- Nhà thi đấu khoảng 0,1ha, gồm các môn: Cầu lông, bóng chuyền và các môn thể thao khác, không bao gồm sân vận động). Yêu cầu về kiến trúc: Phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình ngành; chiều cao từ 1-3 tầng; Mật độ xây dựng $\leq 40\%$.

- Trụ sở Công an xã (CQ-02): Quy hoạch mới tại trong khuôn viên trụ sở UBND xã. Quy mô diện tích 0,22ha. Yêu cầu về kiến trúc: Phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình ngành; chiều cao từ 1-3 tầng; Mật độ xây dựng $\leq 40\%$.

- Ban Chỉ huy quân sự xã (CQ-03): Quy hoạch mới tại trong khuôn viên trụ sở UBND xã. Quy mô diện tích 0,19ha. Yêu cầu về kiến trúc: Phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình ngành; chiều cao từ 1-3 tầng; Mật độ xây dựng $\leq 40\%$.

- Điểm phục vụ bưu chính viễn thông (CC-06): Quy hoạch mới cạnh trung tâm văn hóa – thể thao xã. Quy mô diện tích 0,02ha. Yêu cầu về kiến trúc: Phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình ngành; chiều cao từ 1-3 tầng; Mật độ xây dựng $\leq 40\%$.

- Sân vận động xã (CXTT-01): Giữ nguyên vị trí và quy mô như hiện nay là 1,14ha. Yêu cầu về kiến trúc khi cải tạo, chỉnh trang: Phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình cấp xã; chiều cao từ 1-3 tầng; Mật độ xây dựng $\leq 40\%$.

- Trạm y tế xã (TYT): Giữ nguyên vị trí như hiện nay. Quy mô diện tích sau khi chỉnh trang là 0,36ha. Yêu cầu về kiến trúc khi cải tạo, chỉnh trang: Phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình ngành; chiều cao từ 1-3 tầng; Mật độ xây dựng $\leq 60\%$.

- Chợ dân sinh (chợ Quảng): Giữ nguyên vị trí như hiện nay, quy mô diện tích là 0,4ha. Yêu cầu về kiến trúc khi cải tạo, chỉnh trang: Phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình thương mại dịch vụ; chiều cao từ 1-3 tầng; Mật độ xây dựng $\leq 60\%$.

- Trường học.

+ Trường mầm non (GD-01): Giữ nguyên vị trí như hiện nay. Quy mô diện tích sau khi chỉnh trang là 0,30ha. Yêu cầu về kiến trúc khi cải tạo, chỉnh trang: Phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình ngành; chiều cao từ 1-3 tầng; Mật độ xây dựng $\leq 60\%$.

+ Trường tiểu học (GD-02): Giữ nguyên vị trí như hiện nay. Quy mô diện tích sau khi chỉnh trang là 0,70ha. Yêu cầu về kiến trúc khi cải tạo, chỉnh trang: Phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình ngành; chiều cao từ 1-3 tầng; Mật độ xây dựng $\leq 60\%$.

+ Trường THCS (GD-03): Giữ nguyên vị trí như hiện nay. Quy mô diện tích sau khi chỉnh trang là 0,88ha. Yêu cầu về kiến trúc khi cải tạo, chỉnh trang: Phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình ngành; chiều cao từ 1-3 tầng; Mật độ xây dựng $\leq 60\%$..

- Phần đất còn lại là các chức năng khác.

(Chi tiết bản đồ tổ chức không gian cảnh quan)

4.2. Định hướng tổ chức khu ở:

4.2.1. Đối với khu vực ở hiện trạng cải tạo, chỉnh trang: Địa bàn xã chia thành 03 khu vực ở hiện trạng tập trung gồm:

- Khu vực 01 phía Đông trung tâm xã, cụ thể: Thôn Thành Thái, Thôn Sơn Cường;

- Khu vực 02 phía Tây trung tâm xã, cụ thể: Thôn Hòa Thượng

- Khu vực 03 phía Tây trung tâm xã giáp quốc lộ 47B, cụ thể: Thôn Yên Thành.

- Với các khu ở hiện trạng, tập trung cải tạo chỉnh trang các cụm dân cư

hiện hữu, đặc biệt nâng cấp các tuyến đường giao thông chính trong thôn, huy động các nguồn lực để bổ sung đường điện chiếu sáng, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, cùng với sự bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng sống cho nhân dân. Ban hành các quy định quản lý về trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm.

- Khu ở tập trung các thôn: Giữ nguyên vị trí, quy mô như hiện nay. Khu vực này khuyến khích tăng số hộ, mật độ ở trong khu vực.

- Các điểm dân cư nhỏ lẻ hiện trạng khác: Hạn chế phát triển, mở rộng dân cư trong khu vực này.

4.2.2. *Đối với khu ở mới:* Để đáp ứng sự gia tăng dân số cơ học cần xây dựng thêm các điểm khu dân cư, trên cơ sở tiếp cận hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hiện hữu, và lựa chọn các khu vực đất chưa sử dụng hoặc đất nông nghiệp năng suất thấp; trên cơ sở đó theo các giai đoạn được xác định như sau: bố trí khu dân cư mới với tổng diện tích khoảng 9,72 ha; trong đó: Vị trí 01 (DCM-01) diện tích 3,80 ha; Vị trí 02 (DCM-02) diện tích 1,35 ha; Vị trí 03 (DCM-03) diện tích 4,57 ha.

(Chi tiết bản đồ tổ chức không gian cảnh quan)

4.3. Các công trình hạ tầng xã hội:

4.3.1. *Nhà văn hóa, khu thể thao thôn:* Gồm các khu vực nhà văn hóa, khu thể thao thôn với tổng diện tích khoảng 5,56 ha được bố trí trên địa bàn 04 thôn, yêu cầu về diện tích đảm bảo quy mô tối thiểu nhằm đạt tiêu chí NTM nâng cao.

(Chi tiết bản đồ tổ chức không gian cảnh quan)

4.3.2. *Công trình giáo dục:* Công trình giáo dục tại xã được tổ chức thành 03 cấp học: Mầm non, Tiểu học và Trung học Cơ sở. Bao gồm đất giáo dục chính (có đầy đủ 03 cấp học) và một số trường mầm non tư thục trong khu ở.

(Chi tiết bản đồ tổ chức không gian cảnh quan)

4.4. *Khu vực phát triển CN-TTCN-làng nghề thủ công:* Tiểu thủ công nghiệp, sản xuất kinh doanh, làng nghề quy hoạch mới 01 vị trí (TTCN) với tổng diện tích khoảng 14,17 ha, là tiền đề cho việc phát triển TTCN, làng nghề tập trung và hình thức dịch vụ, du lịch trải nghiệm sản xuất, một trong những loại hình du lịch phù hợp với các vùng nông thôn truyền thống.

(Chi tiết bản đồ tổ chức không gian cảnh quan)

4.5. Các khu vực phát triển dịch vụ thương mại:

- Chợ: Giữ nguyên vị trí tại thôn Thành Thái hiện nay, quy mô diện tích là 0,40ha. Chiều cao từ 1 đến 3 tầng; Mật độ xây dựng tối đa 40%; Yêu cầu về kiến trúc: Phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình ngành.

- Thương mại dịch vụ: Gồm có 2 vị trí quy hoạch mới. Tổng diện tích là 6,34ha. Yêu cầu về kiến trúc: Chiều cao từ 2 đến 5 tầng; Mật độ xây dựng tối đa 40%; Kiến trúc hiện đại, phù hợp với khu vực thành thị khu vực đồng bằng.

(Chi tiết bản đồ tổ chức không gian cảnh quan)

4.6. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất nông nghiệp: Với mục tiêu

cụ thể hóa các chủ trương, định hướng phát triển của xã, Quy hoạch vùng huyện Yên Định đến năm 2045. Khu vực phát triển nông nghiệp xã Yên Hùng được phân bổ như sau.

- Vùng trồng lúa và cây hoa màu: là vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng truyền thống của xã.

- Vùng trồng cây hàng năm, cây lâu năm: với đặc trưng của vùng đất giàu phù sa, vùng này khá thuận lợi cho việc trồng các loại cây ngắn ngày và cây ăn quả.

- Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: ứng dụng khoa học công nghệ hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp xã Yên Hùng cũng như huyện Yên Định.

(Chi tiết bản đồ tổ chức không gian cảnh quan)

4.7. Quy hoạch sử dụng đất: Tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã khoảng: 621,9 ha, do đặc trưng của khu vực nghiên cứu, phân loại thành 04 nhóm đất chính:

- Nhóm đất dân dụng: Diện tích khoảng 263,95ha, bao gồm các loại đất ở, đất công cộng, cây xanh, tín ngưỡng, TTCN, đất DVTM, du lịch và đất hạ tầng kỹ thuật.

- Nhóm đất nông: Diện tích khoảng 354,47ha, bao gồm các loại đất trồng trọt, đất thủy sản và đất rừng sản xuất.

- Nhóm đất giao thông: Diện tích khoảng 88,04ha,

- Nhóm đất khác: Diện tích khoảng 3,48ha, bao gồm các loại sông ngòi, mặt nước, đất chưa sử dụng, đất khai thác khoáng sản.

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

TT	Mục đích sử dụng đất	Ký hiệu	Theo giai đoạn		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030			
	Tổng diện tích		621.9	621.9	621.9	100.00	
A	Đất nông nghiệp	NNP	360.74		354.47	57.00	
	Đất trồng lúa	LUA	277.69		271.42		
	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	12.89		12.89		
	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7.35		7.35		
	Đất rừng sản xuất	RSX	0.24		0.24		
	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	9.64		9.64		
	Đất nông nghiệp khác	NKH	52.93		52.93		
B	Đất dân dụng	PNN	257.68	6.27	263.95	42.44	
1	Đất thương mại dịch vụ	DVTM	0.48	5.86	6.34	1.02	
1.1		DVTM-01	0.48		0.48		
1.2		DVTM-03		5.86	5.86		
2	Đất TTCN, Làng nghề	TTCN	14.17		14.17	2.28	
		TTCN	14.17		14.17		
3	Đất Giao thông	GT	88.04		88.04	14.16	

4	Đất bãi thải, xử lý chất thải	HTKT	0.48		0.48	0.08	
5	Đất ở tại nông thôn	ONT	135.13		135.13		
5.1	Đất ở hiện trạng	DCHT	125.41		125.41		
5.2	Đất ở mới	DCM	9.72		9.72		
		DCM-01	3.80		3.80		
		DCM-02	1.35		1.35		
		DCM-03	4.57		4.57		
6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	CQ	0.61	0.41	1.02	0.16	
6.1	Đất Công sở UBND xã	CQ-01	0.61		0.61		
6.2	Đất trụ sở Công an xã	CQ-02		0.22	0.22		
6.3	Đất trụ sở BCH Quân sự xã	CQ-03		0.19	0.19		
7	Đất sinh hoạt cộng đồng		5.56		5.56	0.89	
7.1	Đất văn hóa		0.76		0.76		
	Đài tưởng niệm liệt sỹ	CC-01	0.14		0.14		
	NVH thôn Thành Thái	CC-02	0.07		0.07		
	NVH thôn Sơn Cường	CC-03	0.07		0.07		
	NVH thôn Hòa Thượng	CC-04	0.08		0.08		
	NVH thôn Yên Thành	CC-05	0.09		0.09		
	SHCĐ Thành Thái	CC-07	0.05		0.05		
	SHCĐ Sơn Cường	CC-08	0.12		0.12		
	SHCĐ Hòa Thượng	CC-09	0.14		0.14		
7.2	Đất cây xanh, thể thao		4.80		4.80		
	Trung tâm văn hóa thể thao xã	CXTT-01	1.14		1.14		
	Sân thể thao thôn Thành Thái 1	CXTT-02	0.60		0.60		
	Sân thể thao thôn Thành Thái 2	CXTT-03	0.54		0.54		
	Sân thể thao thôn Thành Thái 3	CXTT-04	0.22		0.22		
	Sân thể thao thôn Hòa Thượng	CXTT-05	0.53		0.53		
	Sân thể thao thôn Yên Thành 1	CXTT-06	0.53		0.53		
	Sân thể thao thôn Yên Thành 2	CXTT-07	0.60		0.60		
	Sân thể thao thôn Sơn Cường	CXTT-08	0.64		0.64		
8	Đất Bưu điện xã	CC-06	0.02		0.02		
9	Đất Chợ dân sinh (Chợ Quảng)	TMDV-02	0.40		0.40		
10	Đất trạm Y tế	TYT	0.36		0.36		
11	Đất Giáo dục	GD	1.88		1.88		
	Đất trường Mầm non	GD-01	0.30		0.30		
	Đất trường Tiểu học	GD-02	0.70		0.70		
	Đất trường THCS	GD-03	0.88		0.88		
12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NT	8.00		8.00		
		NT-01	1.50		1.50		
		NT-02	1.20		1.20		
		NT-03	1.70		1.70		
		NT-04	2.10		2.10		

		NT-05	1.50		1.50	
13	Đất di tích lịch sử - văn hóa	DT	0.06		0.06	
14	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0.26		0.26	
15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	2.23		2.23	
C	Đất khác		3.48		3.48	0.56

(Chi tiết bản đồ quy hoạch sử dụng đất)

5. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật

5.1. Quy hoạch giao thông: Hệ thống giao thông xã Yên Hùng được chia thành giao thông đối ngoại và giao thông đối nội.

5.1.1. Giao thông đối ngoại: Gồm các tuyến Quốc lộ, Đường tỉnh, Đường huyện và các tuyến đường nối Quốc lộ và các cụm công nghiệp. Cụ thể:

* Quốc lộ.

- Đường tỉnh 47B: Quy mô thiết kế - Đường cấp III đồng bằng, 4 làn đường. Lộ giới: 50m (Bn=20m, hành lang bảo vệ + hành lang bảo trì 2x15m).

* Đường tỉnh.

- Đường tỉnh 516B: Quy mô thiết kế - Đường cấp III đồng bằng, 2 làn đường. Lộ giới: 42m (Bn=12m, hành lang bảo vệ + hành lang bảo trì 2x15m).

- Đường tỉnh 516D: Quy mô thiết kế - Đường cấp III đồng bằng, 2 làn đường. Lộ giới: 42m (Bn=12m, hành lang bảo vệ + hành lang bảo trì 2x15m).

- Đường huyện đi qua CCN Phong Ninh (ĐH.19): Quy mô thiết kế - Đường cấp III đồng bằng, 2 làn đường. Lộ giới: 42m (Bn=12m, hành lang bảo vệ + hành lang bảo trì 2x15m).

- Đường huyện kết nối CCN Phong Ninh – CCN Yên Thịnh (ĐH.29): Quy mô thiết kế - Đường cấp III đồng bằng, 2 làn đường. Lộ giới: 42m (Bn=12m, hành lang bảo vệ + hành lang bảo trì 2x15m).

- Đường huyện từ 516D đi đô thị Kiều (ĐH.11): Quy mô thiết kế - Đường cấp III đồng bằng, 2 làn đường. Lộ giới: 42m (Bn=12m, hành lang bảo vệ + hành lang bảo trì 2x15m).

- Đường trục xã từ trung tâm xã Yên Hùng đi 516B (ĐX.01): Quy mô thiết kế - Đường cấp IV đồng bằng, 2 làn đường. Lộ giới: 29m (Bn=9m, hành lang bảo vệ + hành lang bảo trì 2x10m).

5.1.2. Giao thông đối nội: Gồm các tuyến Trục xã, trục thôn và ngõ xóm, thiết kế nhằm mục tiêu đạt tiêu chí NTM nâng cao.

- Đường trục xã: Thiết kế với quy mô tối thiểu đạt đường cấp A nông thôn, lộ giới trung bình 13,5m (3+7,5+3m). Đối với các tuyến đường mới yêu cầu lộ giới đạt 17,5m (5+7,5+5m), nền đường nhựa.

- Các tuyến đường nội thôn, trục xóm, ngõ, nội đồng cơ bản giữ theo hướng tuyến hiện nay. Trong quá trình cải tạo, nâng cấp yêu cầu mặt cắt ngang: Nền đường từ 5-12m, Số làn xe 1-2 làn; Chiều rộng mỗi làn: 3-4 m; Lề đường mỗi bên 1-2m.

- Các tuyến đường đi qua khu vực dân cư hiện hữu, khả năng mở rộng khó khăn, mặt cắt ngang cho phép hạ 1 cấp đường.

(Chi tiết bản đồ quy hoạch giao thông và định hướng san nền)

5.2. Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng:

5.2.1. Nguồn điện:

- Giai đoạn trước mắt: Nguồn cấp điện cho xã Yên Hùng tiếp tục lấy từ Trạm điện tại khu vực đô thị Kiểu.

- Về lâu dài: Từ trạm 110KV (Thiệu Yên E9.5), đô thị Kiểu phía Bắc xã Yên Hùng.

5.2.2. Mạng lưới cấp điện:

- Mạng lưới trung áp:

+ Đối với khu vực ở hiện trạng khuyến khích di cải tạo và di chuyển các tuyến trung áp 10KV hiện hữu theo các tuyến giao thông nhằm cấp điện cho nhu cầu khu cũ và mới của xã.

+ Đối với khu vực quy hoạch mới yêu cầu cải tạo và di chuyển các tuyến trung áp 10KV hiện hữu theo các tuyến giao thông nhằm đảm bảo cấp điện và mỹ quan cho khu vực.

+ Các tuyến trung áp mới giai đoạn trước mắt vẫn đi nổi trên các trụ bê tông. Việc ngầm hóa sẽ tiến hành ở các giai đoạn phát triển sau này.

- Mạng lưới hạ thế:

+ Mạng lưới 0.4KV hiện tại được cải tạo và di chuyển theo các tuyến giao thông cấp điện từ trạm biến áp phân phối đến các đối tượng tiêu thụ.

+ Đối với mạng lưới 0.4KV quy hoạch mới khuyến khích quy hoạch ngầm nhằm đảm bảo mỹ quan và an toàn cấp điện.

5.2.3. Trạm biến áp phân phối:

- Các trạm biến áp hiện có được giữ nguyên vị trí, được tính toán và nâng công suất để đáp ứng nhu cầu thực tế.

- Các trạm biến áp phân phối quy hoạch mới khuyến khích sử dụng loại trạm mặt đất (trạm Kiosk, trạm phòng, trạm trụ).

5.2.4. Chiếu sáng:

- Ưu tiên đầu tư hệ thống chiếu sáng đường trục xã.

- Từng bước đầu tư hệ thống chiếu sáng đến các tuyến đường chính, đường liên thôn.

- Khuyến khích đầu tư xã hội hóa đối với các tuyến trục thôn, nội thôn.

- Các tuyến đường mới: Yêu cầu phải có hệ thống chiếu sáng bằng cột điện liền cần chiếu sáng.

(Chi tiết bản đồ quy hoạch cấp điện chiếu sáng và viễn thông thụ động)

5.3. Cấp nước: Nhu cầu sử dụng nước: 915m³/ngđ

- Nguồn cấp nước sinh hoạt: Lấy từ Nhà máy nước tại đô thị Kiểu theo định hướng Quy hoạch vùng huyện; đường ống cấp nước phân phối dọc theo Đường huyện ĐH.11.

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt.

- Tiết diện đường ống chính: D160; Tiết diện đường ống phân phối: D110.

- Nguồn nước ngầm và nước mặt, nước sông được sử dụng cung cấp cho sản xuất nông nghiệp.

5.4. Thoát nước mưa và thoát nước thải:

5.4.1. Thoát nước mưa và CBKT:

- Tôn trọng địa hình tự nhiên, đảm bảo khu vực nghiên cứu quy hoạch không bị ngập úng, sạt lở.

- Kết hợp hài hòa cao độ nền khu dân cư hiện trạng và cao độ nền của khu đất quy hoạch xây dựng mới.

- Không chế cao độ san nền với khu vực trung tâm xã, các khu vực quy hoạch mới như đất TMDV, TTCN.

- Đối với nước thải chăn nuôi, và cơ sở sản xuất chế biến bắt buộc xây dựng hệ thống chứa nước thải để xử lý trước khi thải ra môi trường bên ngoài. Được tập kết ra kênh 19-5, N1A và N1B tập kết sang khu vực tiêu Yên Ninh, Yên Lạc.

- Công thoát nước lựa chọn công tròn BTCT, Tiết diện gồm 02 loại chính: tiết diện công chính: D400; tiết diện công phụ: D300.

5.4.2. Thoát nước thải:

- Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại. Không được xả nước thải ra các ao hồ, kênh, rạch tự nhiên trừ trường hợp áp dụng công nghệ làm sạch nước thải bằng phương pháp sinh học trong điều kiện tự nhiên; Nước thải được tập kết và thu gom vào kênh 19-5, N1A và N1B thoát theo hệ thống chung toàn huyện.

- Nước thải từ cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề phải được thu gom ra hệ thống tiêu thoát riêng và xử lý đạt yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận;

- Tối thiểu phải thu gom đạt 80% lượng nước thải phát sinh để xử lý. Đối với khu vực miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa cho phép giảm chỉ tiêu thu gom nước thải sinh hoạt 60% lượng nước thải phát sinh.

(Chi tiết bản đồ quy hoạch định hướng cấp - thoát nước)

5.5. Quản lý chất thải rắn và quy hoạch nghĩa trang

- Về chất thải rắn: Rác sẽ được thu gom tập kết tại phía Nam xã (HTKT) có quy mô 0,16ha và vận chuyển ra khu vực xử lý rác thải tập trung, được bố trí tại xã Yên Lạc (quy hoạch vùng)..

- Về quản lý nghĩa trang:

- Nhu cầu đất nghĩa trang xã Yên Hùng đến năm 2030 bao gồm: Nhu cầu đất chôn cất mới; Nhu cầu đất để quy tập các khu mộ phải di chuyển để phục vụ giải phóng mặt bằng khi thực hiện các dự án trên địa bàn; Nhu cầu đất để quy tập các khu mộ phải di chuyển theo định hướng quy hoạch.

- Quy hoạch hệ thống nghĩa trang:

- + Đối với hệ thống nghĩa trang hiện tại: Có giải pháp từng bước hạn chế chôn cất và tiến tới khoanh vùng, đóng cửa hoặc di dời (nếu cần thiết).

- + Giai đoạn dài hạn: Đóng cửa các nghĩa trang hiện có, tập trung chôn cất tại nghĩa trang nhân dân theo định hướng quy hoạch vùng.

- + Khu vực các nghĩa trang hiện nay, sau khi đóng cửa, tổ chức xây tường rào, trồng cây xanh bảo vệ cảnh quan khu vực.

(Chi tiết bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan)

5.6. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

- Nguồn cáp: Lấy từ nguồn cáp viễn thông từ đô thị Kiểu theo Đường huyện ĐH.11.

- Mạng lưới cáp viễn thông chính: Bố trí dọc đường tỉnh 516D, đường huyện và đường trục xã đến các trạm viễn thông phân phối.

- Bố trí 06 trạm viễn thông với khoảng cách trung bình khoảng 1km, đảm bảo đáp ứng nhu cầu phụ vụ người dân.

(Chi tiết bản đồ quy hoạch cáp điện chiếu sáng và viễn thông thụ động)

5.7. Hệ thống thủy lợi:

- Nâng cấp và cải tạo hệ thống kênh mương trên địa bàn xã.

- Xây mới hoặc cải tạo các tuyến kênh thoát và kênh tiêu có hiện trạng là kênh đất, yêu cầu kiên cố hoàn toàn (đạt 100%) nhằm đảm bảo hoạt động tưới tiêu và giữ gìn hệ thống trong mùa mưa bão

6. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

6.1. Giai đoạn 2020-2025: Đầu tư các công trình mang tính tạo lực phát triển bao gồm:

- Nhà ở, trường học: Xây dựng một phần các khu ở mới, đáp ứng cho người dân khu vực và tạo nguồn thu ngân sách. Mở rộng và cải tạo các cơ sở giáo dục theo quy hoạch;

- Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật: chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, thoát nước thải và vệ sinh môi trường;

- Xây dựng mới và cải tạo mở rộng NVH-KTT các thôn theo quy hoạch;

- Xây dựng trụ sở Công an - Ban Chỉ huy Quân sự;

- Khoanh vùng, tổ chức sản xuất một phần các khu nông nghiệp tập trung;

- Từng bước cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu.

6.2. Giai đoạn 2025-2030: Đầu tư các khu ở còn lại, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật đô thị, xây dựng các công trình hạ tầng xã hội;

- Hoàn thiện các khu ở còn lại;

- Xây dựng các khu công viên thể thao và các công trình cảnh quan;

- Hoàn thiện khu vực làng nghề thủ công mỹ nghệ;

- Phát triển các khu sản xuất tập trung hết quy mô theo quy hoạch;

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng từng thôn xóm, cứng hóa toàn bộ giao thông, kiên cố các công trình thủy lợi.

(Có thuyết minh chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sau khi đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Yên Hùng, huyện Yên Định đến năm 2030 được phê duyệt UBND xã Yên Hùng có trách nhiệm:

- Phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoàn chỉnh hồ sơ, đóng dấu, lưu trữ theo quy định và tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung quy hoạch chung xây dựng xã Yên Hùng, huyện Yên Định đến năm 2030; trong thời gian 30 ngày kể từ ngày quy hoạch được duyệt, để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện;

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư, nguồn khai thác quỹ đất bằng cơ chế chính sách theo quy định hiện hành nhà nước.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng và các đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Yên Hùng và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Bình